

## CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT THUẾ CỦA CÁC HỘ KINH DOANH TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

Đặng Thị Thu Vân<sup>1</sup>, Đỗ Thị Thanh Xuân<sup>1</sup>, Nguyễn Đức Quyền<sup>1</sup>, Dương Minh Ngọc<sup>1</sup>,  
Nguyễn Văn Hoá<sup>1</sup>, Từ Thị Thanh Hiệp<sup>1</sup>, Trương Văn Thảo<sup>1</sup>

Ngày nhận bài: 17/10/2022; Ngày phản biện thông qua: 13/12/2022; Ngày duyệt đăng: 30/01/2023

### TÓM TẮT

Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước (NSNN) và chấp hành pháp luật thuế là một trong những yêu cầu đặt ra với công tác hoạch định chính sách thuế và thực thi pháp luật thuế. Hộ kinh doanh (HKD) là một trong những hình thức kinh doanh đơn giản và phổ biến tại Việt Nam. Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2021, sự tuân thủ pháp luật thuế của HKD còn chưa nghiêm, nhiều HKD còn chậm nộp tiền thuế. Số HKD lập bộ quản lý thuế theo phương pháp thuế khoán 2021 tăng 9.096 hộ so với năm 2020, nhưng số thuế thu được năm 2021 lại giảm cho thấy số thu từ HKD vẫn chưa tương xứng với mức độ kinh doanh thực tế của các HKD. Bài báo sử dụng thông tin dữ liệu từ 395 HKD trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk để khảo sát dựa trên bảng câu hỏi được thiết kế sẵn. Dữ liệu này được xử lý bằng phần mềm SPSS 20 nhằm đánh giá độ tin cậy thông qua hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích hồi quy tuyến tính và kiểm định giả thuyết nghiên cứu. Kết quả phân tích nhân tố khám phá cho thấy có 3 nhân tố ảnh hưởng đến chấp hành pháp luật thuế của các HKD là năng lực quản lý của cơ quan thuế (CQT), thủ tục hành chính thuế và hệ thống thuế. Do đó, ngành thuế cần tập trung phát huy những nhân tố này để cải thiện việc chấp hành pháp luật thuế của các HKD.

**Từ khóa:** chấp hành pháp luật thuế, hộ kinh doanh, quản lý thuế.

### 1. MỞ ĐẦU

Thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước (NSNN) giúp chính phủ chi tiêu cho các công trình công cộng và đảm bảo an sinh xã hội. Chấp hành pháp luật thuế là một trong những yêu cầu cơ bản đặt ra với công tác hoạch định chính sách thuế và thực thi pháp luật thuế.

Hộ kinh doanh (HKD) là một trong những hình thức kinh doanh đơn giản và phổ biến tại Việt Nam. HKD có vai trò quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, giảm phân hóa giàu nghèo, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên, tình hình kinh doanh của khu vực này khá phức tạp, khả năng tuân thủ pháp luật nói chung và pháp luật về thuế nói riêng của các HKD chưa cao.

Do số lượng HKD lớn nên chi phí quản lý cao, phương pháp tính thuế còn nhiều kẽ hở dẫn tới gian lận (Hàn Ni, 2019). Số liệu thu thuế của Tổng cục Thuế cho thấy, số thu tuyệt đối từ HKD chỉ tăng nhẹ qua các năm, trong khi tính theo tỷ trọng đóng góp cho ngân sách thì lại giảm. Năm 2015, cả nước có 1,61 triệu HKD, nộp thuế gần 14.200 tỷ đồng, chiếm 1,9% trong tổng số thu thuế (744.800 tỷ đồng); năm 2016 số HKD tăng lên 1,63 triệu hộ, số nộp thuế khoảng 15.570 tỷ đồng, chiếm 1,9% trong tổng số thu thuế (818.300 tỷ đồng); năm 2017 số HKD tăng lên thành 1,7 triệu hộ, nộp cho ngân sách khoảng 16.300 tỷ đồng, chiếm 1,66% tổng số thu thuế (919.300 tỷ đồng) và năm 2018 số HKD tăng đạt

gần 1,8 triệu hộ, nộp khoảng 18.000 tỷ đồng, chiếm 1,6% tổng thu thuế (1.118.600 tỷ đồng). So sánh tốc độ phát triển số thu của ngành thuế thì số thu của đối tượng HKD tăng trưởng chậm hơn, dẫn đến tỷ lệ thu của khu vực HKD chiếm tỷ lệ ngày càng nhỏ lại trong tổng thu thuế. Nếu xét giai đoạn 2015 đến 2018, tỷ lệ thu thuế của đối tượng HKD trong tổng số thu của ngành thuế chiếm tỷ lệ giảm dần qua các năm, từ tỷ lệ 1,9% xuống 1,6%. Trong khi, số lượng HKD tăng dần qua các năm, từ 1,61 triệu hộ lên 1,8 triệu hộ. Một sự so sánh khác, năm 2017 Tổng Cục thuế báo cáo số lượng HKD chỉ đạt 1,7 triệu hộ nộp thuế thì báo cáo từ Tổng cục Thống kê thống kê số HKD cao gấp nhiều lần, cả nước có đến 5,14 triệu cơ sở kinh doanh. Từ những số liệu đối sánh ở trên đặt ra nhiều nghi vấn trong việc chấp hành pháp luật thuế của HKD: HKD kê khai doanh số không sát thực tế, có những HKD xin nghỉ kinh doanh nhưng khi hoạt động trở lại không báo cáo cơ quan thuế.

Tỉnh Đắk Lắk năm 2021: Nguồn thu thuế HKD theo phương pháp thuế khoán là 196.782.300.000 đồng chiếm tỷ trọng 2,9% trên tổng thu NSNN trên địa bàn. Sự tuân thủ pháp luật thuế của HKD còn chưa nghiêm, nhiều HKD còn chậm nộp tiền thuế. Tổng số nợ đọng thuế của HKD theo phương pháp thuế khoán tính đến 31/12/2021 là 15.332.236.830 đồng. Trong năm 2021, toàn tỉnh có 21.143 hộ theo phương pháp thuế khoán với số thu 196.782.300.000 đồng và số HKD lập bộ quản

<sup>1</sup>Khoa Kinh tế, Trường Đại học Tây Nguyên;

Tác giả liên hệ: Đặng Thị Thu Vân, ĐT: 0905020237, Email: dttvan@ttn.edu.vn.

lý thuế theo phương pháp thuế khoán 2021 tăng 9096 hộ so với năm 2020, nhưng số thuế thu được 2021 giảm 56.326.000.000 đồng cho thấy công tác quản lý thuế HKD cần được rà soát lại để việc thu thuế HKD đạt hiệu quả hơn.

Việc thực hiện đối thoại, đối chiếu nợ thuế hộ theo phương thức khoán chưa đạt kết quả theo yêu cầu đề ra (còn một số trường hợp không thống nhất số liệu nợ do ngành thuế đang quản lý). Đối với HKD, do cơ chế chính sách là tự kê khai doanh thu, kinh doanh manh mún không có sổ sách, chứng từ, hóa đơn theo pháp luật, thực tế điều tra khảo sát doanh số HKD chưa sát thực tế cho thấy ý thức chấp hành pháp luật thuế còn hạn chế.

Từ những thực tiễn phát sinh ở trên, bài báo tiến hành phát hiện các nhân tố ảnh hưởng đến việc chấp hành pháp luật thuế của các HKD trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nhằm đáp ứng yêu cầu cả về mặt lý luận và thực tiễn trong việc chấp hành pháp luật thuế của HKD hiện nay.

## 2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Bài viết này nhằm phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chấp hành pháp luật thuế của các HKD hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

### 2.2. Nội dung nghiên cứu

Nội dung nghiên cứu chủ yếu tập trung vào đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến chấp hành pháp luật thuế của các HKD theo phương pháp thuế khoán và đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao việc chấp hành pháp luật thuế của các HKD hoạt động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

### 2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu chia làm 2 giai đoạn: **Giai đoạn thứ nhất là** nghiên cứu định tính nhằm mục đích đánh giá sơ bộ thang đo, điều chỉnh thang đo lường mô hình nghiên cứu lý thuyết thông qua trao đổi trực tiếp với một số cán bộ quản lý thuế tại địa bàn nghiên cứu cũng như nghiên cứu từ các bài báo khoa học có cùng chủ đề nghiên cứu. **Giai đoạn thứ hai là** nghiên cứu định lượng nhằm mục đích xác định các nhân tố ảnh hưởng và đo lường mức độ ảnh hưởng của chúng lên chấp hành pháp luật thuế của HKD.

Tất cả các thang đo trong mô hình đều là thang đo đa biến. Các thang đo này sử dụng dạng Likert 5 điểm với: 1 là hoàn toàn không đồng ý, đến 5 là hoàn toàn đồng ý.

Nghiên cứu này sử dụng kỹ thuật phỏng vấn trực tiếp bằng bảng câu hỏi chi tiết với các HKD tại tỉnh Đắk Lắk. Kích thước mẫu được tính theo

công thức Slovin's như sau:  $n = \frac{N}{1 + N.e^2}$  với N: Tổng

số HKD trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2021 nộp thuế khoán (N= 21.143 hộ) theo số liệu của phòng quản lý kinh doanh HKD cục thuế Đắk Lắk, tính ra n = 393 hộ, tiến hành điều tra 395 phiếu phân bố theo tỷ lệ thì điều tra ở 3 địa bàn đại diện cho 3 loại đô thị: thành phố Buôn Ma Thuột (loại I) 290 hộ, thị trấn Phước An huyện Krông Păk (loại IV) 60 hộ và trung tâm huyện Buôn Đôn (loại V) 45 hộ.

Nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chấp hành pháp luật thuế của HKD trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, quá trình phân tích được thực hiện theo trình tự sau: kiểm tra độ tin cậy của các chỉ số thông qua hệ số tin cậy Cronbach's Alpha, sử dụng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA) để kiểm định các yếu tố ảnh hưởng đến tính tuân thủ thuế của HKD và sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến để xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố. Nhóm tác giả dùng phần mềm SPSS 20 để xử lý số liệu.

Chấp hành pháp luật thuế được định nghĩa bởi nhiều tác giả. Roth, Scholz và Witte (1989) người nộp thuế (NNT) bắt buộc phải tuân thủ những yêu cầu kê khai thu nhập chịu thuế ở thời điểm hợp lý, chính xác phù hợp với quy định của luật thuế và quyết định của tòa án áp dụng ở thời điểm thu nhập được kê khai. Theo Singh (2003) thì NNT thể hiện sự chấp hành thông qua việc nộp tờ khai thuế đầy đủ, kê khai tất cả các khoản thu nhập chịu thuế một cách chính xác, đồng thời thanh toán các khoản thuế phải nộp đúng thời hạn quy định mà không phụ thuộc vào sự đôn đốc, nhắc nhở của cơ quan quản lý thuế.

Dựa trên sự tổng hợp các nghiên cứu trước đây, nhóm tác giả đã đề xuất mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chấp hành pháp luật thuế của HKD với 5 nhóm nhân tố bao gồm: Kiến thức thuế, Hệ thống thuế, Quản lý thuế, Chuẩn mực đạo đức và Nhận thức về tính công bằng. Thứ nhất, *kiến thức thuế* thể hiện qua HKD cập nhật đầy đủ kiến thức về thuế và am hiểu các thủ tục về thuế. Eriksen và Fallan (1996) nhận định hiểu biết về luật thuế có ảnh hưởng đến thái độ của người nộp thuế (NNT) và khả năng tuân thủ thuế có thể được cải thiện nếu họ có sự hiểu biết về thuế tốt hơn. Faizal và cộng sự (2015) cho rằng sự hiểu biết và nắm bắt chặt chẽ về hệ thống luật thuế của NNT là tiền đề cho việc đánh giá khả năng nhận thức về tính công bằng, năng lực thực hiện nghĩa vụ của bản thân cũng như tuân thủ pháp luật thuế. Trên cơ sở đó ta có giả thuyết H1: Kiến thức thuế có tác động cùng chiều (+) với chấp hành thuế. Thứ hai, *hệ thống thuế* thể hiện qua việc ấn định mức thuế hiện nay; mức độ xảy ra sai sót khi thực hiện các thủ tục thu thuế; việc minh bạch

các quy định đăng kí, kê khai, ấn định thuế; mức độ nắm bắt các quy định pháp luật; thủ tục đăng ký thuế, kê khai, hồ sơ thuế với HKD đơn giản; Các biểu mẫu đăng ký, kê khai khấu trừ thuế rõ ràng, dễ hiểu; thủ tục nộp thuế với HKD. Plumlee (1997), James Alm (Alm, 1991) cho rằng mức thuế suất cao sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến sự chấp hành thuế của NNT. Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009) cho rằng minh bạch trong công tác quản lý thuế sẽ tăng chấp hành thuế. Jackson và Milliron (1986) số lượng luật thuế và độ phức tạp tăng lên cản trở việc không chấp hành nghĩa vụ thuế. Slemrod (2019) khẳng định luật thuế và các tờ khai thuế càng đơn giản, rõ ràng sẽ càng làm tăng chấp hành thuế. Hoạt động hướng dẫn chính sách thuế, giải đáp thắc mắc đến NNT càng cụ thể và nhanh chóng thì sự tuân thủ của NNT càng cao (Nguyễn Thị Lệ Thúy, 2009). Trên cơ sở đó ta có giả thuyết H2: Hệ thống thuế có tác động cùng chiều (+) với chấp hành thuế. Thứ ba, *quản lý thuế* được đo lường bởi hai tiêu chí là tần suất kiểm tra và xử phạt về thuế. Allingham and Sandmo (1972), Tittle (1980), Grasmick & Scott (1982),

Witte & Woodbury (1983), Hasseldine & cộng sự (1999) đã chỉ ra rằng chấp hành thuế sẽ tăng khi việc xử phạt vi phạm về thuế khắt khe và mức phạt cao. Trên cơ sở đó ta có giả thuyết H3: Quản lý thuế có tác động cùng chiều (+) với chấp hành thuế. Thứ tư, *Chuẩn mực đạo đức* là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng mạnh đến chấp hành thuế theo Alm & cộng sự (1993), Gordon (2009), Clotfelter (1983), Erard & Feinstein (1994), Chung & cộng sự (2003), Blanthorne & Kaplan (2008), Torgler (2004), Wenzel (2000), Kirchler & cộng sự (2006). Trên cơ sở đó ta có giả thuyết H4: Chuẩn mực đạo đức có tác động cùng chiều (+) với chấp hành thuế. Thứ năm, *Nhận thức về tính công bằng* là một trong những yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến tâm lý hành vi của NNT. Nghiên cứu của Fischer và cộng sự (1992) đã chỉ ra rằng tính công bằng và sự chấp hành thuế có mối quan hệ với nhau. Khi NNT nhận thấy không có sự công bằng thì họ sẽ không chấp hành thuế. Trên cơ sở đó ta có giả thuyết H5: Nhận thức về tính công bằng có tác động cùng chiều (+) với chấp hành thuế.

**Bảng 1. Tóm tắt các nhân tố ảnh hưởng đến chấp hành pháp luật thuế của các HKD**

Biến	Mã hóa	Diễn giải
Yếu tố quản lý thuế (QL)	QL1	Xác suất bị kiểm tra thuế cao thì sự tuân thủ thuế của HKD cao
	QL2	Mức tiền phạt vi phạm hành vi không tuân thủ cao thì HKD tuân thủ thuế tốt hơn
Yếu tố hệ thống thuế (HT)	HT1	Ấn định mức thuế của HKD hiện nay là phù hợp
	HT2	Cơ quan thuế ít xảy ra sai sót khi thực hiện các thủ tục thu thuế
	HT3	Các quy định về đăng ký, kê khai, ấn định thuế công khai, minh bạch
	HT4	Hình thức phổ biến pháp luật về thuế dễ tiếp cận
	HT5	Thủ tục đăng ký thuế với HKD đơn giản
	HT6	Thủ tục kê khai thuế với HKD đơn giản
	HT7	Thủ tục hồ sơ thuế đơn giản sẽ tạo điều kiện cho HKD tuân thủ
	HT8	Thuế suất thấp gia tăng sự tuân thủ thuế
	HT9	Các biểu mẫu đăng ký, kê khai khấu trừ thuế rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện
	HT10	Thủ tục nộp thuế với HKD đơn giản
HT11	Cơ quan thuế luôn giải quyết hồ sơ miễn giảm đúng hạn	
Yếu tố nhận thức về tính công bằng (NT)	NT1	Sự công bằng trong khi làm việc với cơ quan thuế làm tăng tuân thủ thuế của HKD
	NT2	HKD cảm thấy không công bằng khi có những HKD thu nhập cao hơn nhưng đóng ít hơn thì tuân thủ thuế sẽ giảm
Yếu tố chuẩn mực đạo đức (ĐĐ)	ĐĐ1	Thái độ phục vụ của cán bộ thuế niềm nở, thân thiện
	ĐĐ2	Cán bộ thuế không có biểu hiện những nhiễu
Yếu tố kiến thức thuế (KT)	KT1	HKD cập nhật đầy đủ kiến thức về thuế
	KT2	HKD am hiểu các thủ tục về thuế
Sự chấp hành pháp luật thuế (CH)	CH1	HKD tuân thủ với những quy định về thuế hiện hành
	CH2	HKD luôn nộp thuế đúng hạn
	CH3	HKD luôn khai báo chính xác thu nhập của hộ

Nguồn: Tổng hợp của tác giả.

Bài viết sử dụng mô hình hồi quy tuyến tính đa biến để xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố với phần mềm SPSS 20.

### 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Phân tích độ tin cậy của thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha

Qua kết quả phân tích, có 3 thang đo là yếu tố hệ thống thuế, chuẩn mực đạo đức và chấp hành pháp luật thuế có hệ số Cronbach's Alpha > 0,6 nên đạt độ tin cậy cần thiết và tiếp tục đưa vào phân tích nhân tố khám phá (EFA).

**Bảng 2. Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha trước khi phân tích EFA**

STT	Thang đo	Số biến quan sát	Cronbach's Alpha
1	QL	2	0,551
2	HT	11	0,831
3	NT	2	0,379
4	ĐĐ	2	0,656
5	KT	2	0,429
6	CH	3	0,635

Nguồn: Kết quả chạy SPSS

#### 3.2. Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Đối với nhân tố độc lập: EFA lần thứ nhất cho KMO = 0,876 > 0,5, và kiểm định Bartlett có Sig. < 0,05 nên việc phân tích EFA để nhóm các biến lại với nhau là phù hợp. Hệ số Eigenvalue = 1,159 do đó 13 biến quan sát được nhóm lại và rút trích

được 3 nhân tố. Tổng phương sai trích là 54,306% cho biết nhân tố đại diện giải thích được 54,306% biến thiên của các biến quan sát và lớn hơn 50%. Như vậy phương sai trích đạt yêu cầu. Dựa vào bảng ma trận xoay, biến ĐĐ1 bị loại do hệ số tải < 0,5.

**Bảng 3. Bảng ma trận xoay trong EFA lần thứ nhất**

	Component		
	1	2	3
HT11	0,811		
HT10	0,658		
HT6	0,640		
HT4	0,638		
HT5	0,626		
HT1	0,502		
HT8		0,731	
HT7		0,703	
HT9		0,627	
ĐĐ2		0,515	
ĐĐ1			
HT2			0,779
HT3			0,695

Nguồn: Kết quả chạy SPSS

EFA lần thứ 2 cho hệ số KMO = 0,869 > 0,5, và kiểm định Bartlett có Sig. < 0,05 nên việc phân tích EFA để nhóm các biến lại với nhau là phù hợp. Hệ số Eigenvalue = 1,158 do đó 12 biến quan sát được nhóm lại và rút trích được 3 nhân tố. Tổng

phương sai trích là 55,698% cho biết nhân tố đại diện giải thích được 55,698% biến thiên của các biến quan sát và lớn hơn 50%. Như vậy phương sai trích đạt yêu cầu. Dựa vào bảng ma trận xoay, biến ĐĐ2 bị loại do hệ số tải < 0,5.



**Bảng 4. Bảng ma trận xoay trong EFA lần thứ 2**

	Component		
	1	2	3
HT11	0,816		
HT10	0,667		
HT6	0,645		
HT4	0,637		
HT5	0,626		
HT1	0,500		
HT8		0,742	
HT7		0,730	
HT9		0,636	
ĐĐ2			
HT2			0,783
HT3			0,699

Nguồn: Kết quả chạy SPSS

EFA lần thứ 3. Tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố lớn hơn 0,5. Như vậy, mô hình đã hình thành 3 nhân tố mới. Nhân tố mới khác với thang đo giả thuyết ban đầu nên ta đặt tên lại thang đo.

**Bảng 5. Bảng ma trận xoay trong EFA lần thứ 3**

	Component		
	1	2	3
HT11	0,827		
HT10	0,688		
HT6	0,646		
HT4	0,625		
HT5	0,622		
HT2		0,785	
HT3		0,706	
HT1		0,508	
HT7			0,763
HT8			0,759
HT9			0,597

Nguồn: Kết quả chạy SPSS

**Bảng 6. Thang đo mới**

Thang đo	Các biến quan sát	Tên thang đo mới
F1	HT11, HT10, HT6, HT4, HT5	Hệ thống thuế
F2	HT2, HT3, HT1	Năng lực quản lý của CQT
F3	HT7, HT8, HT9	Thủ tục hành chính thuế

Nguồn: Kết quả chạy SPSS

Phân tích EFA với biến phụ thuộc: KMO đạt được là  $0,618 > 0,5$ , Eigenvalue =  $1,744 > 1$  và tổng phương sai dùng để giải thích các nhân tố là  $58,148\% > 50\%$  nên thỏa điều kiện phân tích EFA. Tất cả các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố

lớn hơn 0,5 và được dùng để giải thích thang đo việc chấp hành pháp luật thuế của các HKD là hợp lý.

### 3.3. Phân tích tương quan

Từ chạy SPSS, ta thấy: có sự tương quan giữa

biến phụ thuộc CH (chấp hành pháp luật thuế) với các biến độc lập F1 (hệ thống thuế), F2 (năng lực quản lý của CQT), F3 (thủ tục hành chính thuế) vì sig giữa từng biến độc lập với biến phụ thuộc đều nhỏ hơn 0,05.

**Bảng 7. Phân tích tương quan**

		CH	F1	F2	F3
<b>CH</b>	Pearson Correlation	1	0,374**	0,420**	0,351**
	Sig. (2-tailed)		0,000	0,000	0,000
	N	394	394	394	394
<b>F1</b>	Pearson Correlation	0,374**	1	0,508**	0,488**
	Sig. (2-tailed)	0,000		0,000	0,000
	N	394	394	394	394
<b>F2</b>	Pearson Correlation	0,420**	0,508**	1	0,364**
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000		0,000
	N	394	394	394	394
<b>F3</b>	Pearson Correlation	0,351**	0,488**	0,364**	1
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	0,000	
	N	394	394	394	394

Nguồn: Kết quả chạy SPSS

**3.4. Phân tích hồi quy tuyến tính bội**

R<sup>2</sup> hiệu chỉnh = 0,229 chứng tỏ 3 biến độc lập được đưa vào mô hình ảnh hưởng 22,9% sự thay đổi của biến phụ thuộc, các yếu tố còn lại ngoài mô

hình chiếm 77,1% tác động đến biến sự chấp hành pháp luật thuế. Ngoài ra, hệ số Durbin – Watson = 2,003 nằm trong khoảng (1;3) nên mô hình không xảy ra hiện tượng tương quan.

**Bảng 8. Tóm tắt mô hình**

Mô hình	R	R <sup>2</sup>	R <sup>2</sup> hiệu chỉnh	Sai số chuẩn dự đoán	Durbin – Watson
1	0,484a	0,235	0,229	0,59336	2,003

Nguồn: Kết quả chạy SPSS

Bảng ANOVA cho thấy giá trị F = 39,875 với mức ý nghĩa Sig. = 0,000 < 0,05 cho thấy biến phụ

thuộc có mối liên hệ tuyến tính với biến độc lập, như vậy mô hình hồi quy là phù hợp với tổng thể.

**Bảng 9. ANOVA<sup>a</sup>**

Mô hình	Tổng các bình phương	Df	Bình phương trung bình	F	Sig.
Phần hồi quy	42,117	3	14,039	39,875	0,000 <sup>b</sup>
Phần dư	137,310	390	0,352		
<b>Tổng cộng</b>	<b>179,427</b>	<b>393</b>			

Nguồn: Kết quả chạy SPSS

Trong bảng 10, ta thấy hệ số phóng đại phương sai VIF (Variance Inflation Factor) của các biến độc lập đều bé hơn 2, do đó, mô hình hồi quy tuyến tính bội không có hiện tượng đa cộng tuyến, mối quan hệ giữa các biến độc lập không ảnh hưởng đến kết quả giải thích của mô hình. Về phân tích

hồi quy, kết quả thống kê cho thấy các hệ số hồi quy chuẩn hóa của phương trình hồi quy đều khác 0 và giá trị Sig. < 0,05 chứng tỏ là 3 biến độc lập đều tham gia tác động đến sự chấp hành pháp luật thuế của HKD.

**Bảng 10. Các thông số thống kê của từng biến trong phương trình hồi quy**

Mô hình B	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa	t	Sig. Độ chấp nhận	Kiểm tra hiện tượng đa cộng tuyến	
	Sai số chuẩn	Beta				VIF	
(Constant)	1,713	0,191		8,952	0,000		
1	F1	0,122	0,047	0,144	2,599	0,010	0,636 1,571
	F2	0,258	0,048	0,282	5,419	0,000	0,724 1,381
	F3	0,164	0,047	0,177	3,455	0,001	0,744 1,344

Nguồn: Kết quả chạy SPSS

Mô hình đạt ý nghĩa thống kê 5% và các hệ số hồi quy riêng của mô hình đều có giá trị dương với tác động mạnh nhất là yếu tố F2 và yếu nhất là F1. Như vậy, giả thuyết ban đầu về mối quan hệ đồng biến giữa thành phần hệ thống thuế, năng lực quản lý của CQT, thủ tục hành chính thuế đến sự chấp hành pháp luật thuế của HKD được chấp nhận.

Phương trình hồi quy tuyến tính bội được xác định như sau:

$$CH = 0,122F1 + 0,258F2 + 0,164F3 + 1,713$$

Từ phương trình hồi quy căn cứ vào hệ số Beta chuẩn hóa, ta xác định được mức độ ảnh hưởng của các biến độc lập đến sự chấp hành pháp luật thuế.

#### 4. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này đã khảo sát 395 HKD trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến chấp hành pháp luật thuế của các HKD theo phương pháp thuế khoán. Nhóm tác giả thấy rằng, để nâng cao việc chấp hành pháp luật thuế của các HKD cần tập trung làm tốt một số vấn đề như: Nâng cao chất lượng đội ngũ công chức thuế, tăng cường các khóa đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ, tăng cường công tác tuyên truyền và hỗ trợ kiến thức HKD nộp thuế phổ biến tiêu chuẩn, nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ công chức thuế và thực hiện cải cách hành chính thuế.

## FACTORS AFFECTING TAX LAWS COMPLIANCE AMONG BUSINESS HOUSEHOLDS IN DAK LAK PROVINCE

**Dang Thi Thu Van<sup>2</sup>, Nguyen Duc Quyen<sup>2</sup>, Do Thi Thanh Xuan<sup>2</sup>, Duong Minh Ngoc<sup>2</sup>,  
Nguyen Van Hoa<sup>2</sup>, Tu Thi Thanh Hiep<sup>2</sup>, Truong Van Thao<sup>2</sup>**

Received Date: 17/10/2022; Revised Date: 13/12/2022; Accepted for Publication: 30/01/2023

### SUMMARY

Tax is the primary source of government revenue (state revenue), and compliance with tax laws is one of the requirements of tax policymaking and law enforcement. Household business (HKD) is a simple and popular business form in Vietnam. However, the business situation in this area is quite complicated, and the ability to comply with the tax law of the HKDs is not adequate. In Dak Lak province in 2021, tax compliance of HKDs is still not strict. Many HKDs are still late in paying taxes. The number of HKDs setting up tax administration under the presumptive tax method in 2021 increased by 9.096 households compared to 2020. However, tax revenues collected in 2021 decreased. This means that tax revenues collected from HKD are still not commensurate with the actual business level of HKDs. The results of Exploratory Factor Analysis show that three factors affect the tax compliance of HKDs: the management capacity of the tax authority (CQT), tax administrative procedures, and the tax system. Therefore, the tax authorities must focus on promoting these factors to improve compliance with the tax laws of HKDs.

**Keywords:** tax laws compliance, business household, tax administration.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

#### Tài liệu tiếng Việt

Nguyễn Thị Lệ Thúy (2009). Hoàn thiện quản lý thu thuế của Nhà nước nhằm tăng cường sự tuân thủ thuế của doanh nghiệp, *Luận án tiến sĩ Kinh tế*, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Hàn Ni (2019). Thất thu thuế khoán. Bài 1: Hộ kinh doanh: đồng nhất, nộp thuế ít nhất. *Sài Gòn Giải Phóng*. Truy cập tại: <https://www.sggp.org.vn/that-thu-thue-khoan-bai-1-ho-kinh-doanh-dong-nhat-nop-thue-it-nhat-613331.html>

#### Tài liệu tiếng nước ngoài

Allingham, M.G., & Sandmo, A. (1972). Income tax evasion: A theoretical analysis, *Journal of Public Economics*.

Alm, J., Bahl, R. & Murray, M.N. (1993). Audit selection and income tax underreporting in the tax compliance game. *Journal of Development Economics*, 42(1), pp.1–33. doi:[https://doi.org/10.1016/0304-3878\(93\)90070-4](https://doi.org/10.1016/0304-3878(93)90070-4).

Blanthorne, C. & Kaplan, S. (2008). An Egocentric Model of the Relations Among the Opportunity to Underreport, Social Norms, Ethical Beliefs, and Underreporting Behavior. *Accounting, Organizations and Society*, Elsevier, vol. 33(7-8), pages 684-703.

Clotfelter, C.T. (1983). Tax evasion and tax rates: an analysis of individual returns, *The review of Economics and statistics*. The MIT Press.

Erard, B. & Feinstein, J.S. (1994). The role of moral sentiments and audit perceptions in tax compliance, *Journal of Economic Literature*.

Eriksen, K. and Fallan, L. (1996). Tax knowledge and attitudes towards taxation; A report on a quasi-experiment. *Journal of Economic Psychology*, 17(3), pp.387–402. doi:[https://doi.org/10.1016/0167-4870\(96\)00015-3](https://doi.org/10.1016/0167-4870(96)00015-3).

Fischer, C.M., Wartick, M. & Mark, M. (1992). Detection Probability and Taxpayer Compliance: A Review of the Literature. *Journal of Accounting Literature*, 11, 1-46.

Gordon, R. & Li, W. (2009). Tax structures in developing countries: Many puzzles and a possible explanation. *Journal of Public Economics*, 93(7-8), pp.855–866. doi:<https://doi.org/10.1016/j.jpubeco.2009.04.001>.

<sup>2</sup>Faculty of Economics, Tay Nguyen University;

Corresponding author: Dang Thi Thu Van; Tel: 0905020237; Email: [dtvan@ttn.edu.vn](mailto:dtvan@ttn.edu.vn).



- Grasmick, H.G. & Scott, W.J. (1982). Tax evasion and mechanisms of social control: A comparison with grand and petty theft. *Journal of Economic Psychology*, 2(3), pp.213–230. doi:[https://doi.org/10.1016/0167-4870\(82\)90004-6](https://doi.org/10.1016/0167-4870(82)90004-6).
- Hasseldine, J. & Li, Z (1999). More tax evasion research required in new millennium. *Crime, Law and Social Change* 31, 91–104. <https://doi.org/10.1023/A:1008324726125>
- Jackson, B. & Milliron, V. (1986). Tax compliance research: Findings, problems and prospects, *Journal of Accounting Literature*.
- Alm, J. (1991). A perspective on the experimental analysis of taxpayer reporting, *The Accounting Review*.
- Kirchler, E., Niemiowski, A. & Wearing, A. (2006). Shared subjective views, intent to cooperate and tax compliance: Similarities between Australian taxpayers and tax officers. *Journal of Economic Psychology*, 27(4), pp.502–517. doi:<https://doi.org/10.1016/j.joep.2006.01.005>.
- Faizal, S. M., & Palil, M. R. (2015). Study on Fairness and Individual Tax Compliance in Malaysia: *Preliminary Findings. International Journal of Business, Economics and Law*, 8(1): 74-79.
- Plumlee, M.A. (1997). The Impact of Complexity on Analysts' Effective Tax Rate Forecasts. SSRN Electronic Journal. doi:<https://doi.org/10.2139/ssrn.58692>.
- Roth, J.A., Scholz, J.T. & Witte, A.D. (1989). Taxpayer Compliance, Vol 1: An Agenda for Research. *University of Pennsylvania Press*, Philadelphia.
- Singh, V. (2003). Malaysian Tax Administration. 6th ed. Kuala Lumpur: Longman.
- Slemrod, J. (2019). Tax Compliance and Enforcement. *Journal of Economic Literature*, 57(4), pp.904–954. doi:<https://doi.org/10.1257/jel.20181437>.
- Tittle, C. (1980). *Sanctions and Social Deviance: The Questions of Deterrence*. Connecticut: Praeger.
- Chung, J. & Trivedi, V.U. (2003). The Effect of Friendly Persuasion and Gender on Tax Compliance Behavior. *Journal of Business Ethics*, [online] 47(2), pp.133–145. Available at: <https://www.jstor.org/stable/25075133>.
- Torgler, B. (2004). Tax morale in Asian countries. *Journal of Asian Economics*, 15(2), pp.237–266. doi:<https://doi.org/10.1016/j.asieco.2004.02.001>.
- Wenzel, M. (2000). Justice and Identity: The Significance of Inclusion for Perceptions of Entitlement and the Justice Motive. *Personality and Social Psychology Bulletin*, 26(2), pp.157–176. doi:<https://doi.org/10.1177/0146167200264004>.
- Witte, A.D. & Woodbury, D.F. (1983). What we know about the factors affecting compliance with the tax law? *Income tax compliance : a report of the ABA Section of Taxation Invitational Conference on Income Tax Compliance*, March 16-19, 1983, Reston, VA. - [Chicago, Ill.], ISBN 0-89707-124-7. - 1983, p. 133-148.